

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

Mã chứng khoán: **FCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226 3533038

Fax : 0226 3533897

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thiệu- người được ủy quyền công bố thông tin

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại (cơ quan): 0226 3533 038

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và dự thảo tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, bao gồm:

- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (Kèm theo Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự, Mẫu phiếu biểu quyết; Đăng ký xe tham dự họp ĐHĐCĐ).
- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 (Đính kèm các báo cáo và tờ trình kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/4/2018 tại đường dẫn: <http://feconmining.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (Kèm theo Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự, Mẫu phiếu biểu quyết; Đăng ký xe tham dự họp ĐHĐCĐ);
- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2018.

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin**



Nguyễn Hữu Thiệu

Hà Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

Mã vạch

Kính gửi Quý cổ đông:.....
Mã số cổ đông:
Địa chỉ:
Điện thoại:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Trân trọng kính mời :
Số Đăng ký sở hữu :
Số lượng cổ phần sở hữu :

Đến dự ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

- Thời gian:** 08 giờ 30 phút, Thứ 7, ngày 28 tháng 04 năm 2018.
- Địa điểm:** Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Nội dung:** Theo chương trình Đại hội (đính kèm thư mời).
- Điều kiện tham dự đại hội:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (FCM) có tên trong Danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập, được chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 26/03/2018. (Các cổ đông không thể đến dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Người nhận ủy quyền không thể ủy quyền cho người thứ ba).
- Chương trình họp và tài liệu Đại hội được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: www.feconmining.com.vn. (trước ngày họp ĐHCĐ 10 ngày)
- Để tạo điều kiện Quý vị cổ đông tham dự họp, Công ty chúng tôi bố trí xe ô tô đưa đón Quý cổ đông từ tòa nhà CEO đến Công ty và ngược lại. Đề nghị Quý cổ đông có nhu cầu đi lại bằng phương tiện do công ty bố trí đăng ký theo mẫu gửi kèm, lịch trình cụ thể như sau:
 - Thời gian đón:** 7h00 ngày 28/4/2018 tại tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Chiều về:** Dự kiến xe quay về đến Tòa nhà CEO vào hồi 15h30 ngày 28/4/2018.
- Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON

Địa chỉ: cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Thư ký HĐQT: Nguyễn Hữu Thiều

Điện thoại: 0226.3533 038 (số máy lẻ: 122); Fax: 0226. 3533897

Email: thieunh@fecon.com.vn

Để thuận tiện cho việc tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng *gọi điện xác nhận tham dự* hoặc *gửi trực tiếp xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự, qua đường bưu điện hoặc fax* đến Công ty cổ phần Khoáng sản FECON trước **12h00 ngày 24/04/2018**.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý vị cổ đông!

Lưu ý:

Cổ đông tham dự ĐH vui lòng mang theo các Giấy tờ sau:

- Thư mời họp;
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN của cổ đông (trường hợp trực tiếp tham dự);
- Giấy ủy quyền và Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN của cổ đông và người được ủy quyền (trường hợp tham dự theo ủy quyền).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

A. Thông tin cổ đông:

Tên cổ đông:.....
CMND/GPĐKKD số:.....Cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại.....
Số cổ phần sở hữu:.....Cổ phần
(Bằng chữ:.....)

1. Xác nhận tham dự Đại hội (Đánh dấu “ X” vào ô bên):
2. Ủy quyền tham dự Đại hội (Đánh dấu “ X” vào ô bên):

B. Người được ủy quyền tham dự Đại hội: (Cổ đông chọn một trong hai cách sau)

Cách 1: Ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội

Họ tên:.....
CMND/GPĐKKD số:.....Cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại.....

Cách 2: Ủy quyền cho một trong các thành viên của Hội Đồng Quản Trị “HĐQT” Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON: Đánh dấu “ X” vào một trong các ô sau:

- Ông Hà Thế Phương – Chủ tịch HĐQT (CMND số: 012567169 cấp ngày 14/5/2010);
- Ông Phạm Trung Thành – TV HĐQT kiêm Giám Đốc (CMND số: 162131937 cấp ngày 21/6/2010);

Nội dung ủy quyền:

- Số cổ phần sở hữu:.....Cổ phần
(Bằng chữ:.....)
- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

....., ngày.....tháng.....năm 2018

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Trường hợp Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ thì ghi rõ thông tin ở mục B.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON
(Của nhóm cổ đông)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cùng nhau nắm giữ..... cổ phiếu, có tên trong danh sách dưới đây:

Họ tên	Số CMND/ GP ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu	Ký tên/đóng dấu
Tổng số CP				

Cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà):.....

CMND số:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Được thay mặt chúng tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do chúng tôi sở hữu.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

....., ngày.....tháng.....năm 2018

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐĂNG KÝ XE THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Tên tôi là :

CMND/ĐKKD số : Số ĐT liên hệ:

Người ủy quyền :CMND/ĐKKD số:

(trường hợp nhận UQ)

Địa chỉ :

Đăng ký sử dụng xe đưa đón của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON tại thời điểm xuất phát từ 7h00' tại Tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

(Chiều về: Dự kiến xe quay về đến Tòa nhà CEO vào 15h30 ngày 28/4/2018)

....., ngày.....tháng.....năm 2018

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**



PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ tên cổ đông:

Mã cổ đông:

Số cổ phần nắm giữ:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Hà Nam, tháng 4/2018

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

STT	Nội dung	Tổng số trang
1	Chương trình Đại hội	1
2	Quy chế tổ chức Đại hội	4
3	Thê lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội	2
4	Báo cáo kết quả HĐSXKD năm 2017, kế hoạch 2018	4
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018	5
6	Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập	4
7	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, Kế hoạch hoạt động năm 2018	4
8	Tờ trình BCTC năm 2017 đã kiểm toán	1
9	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017	2
10	Tờ trình kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	1
11	Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018	2
12	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018	1
13	Tờ trình sửa đổi điều lệ công ty (có kèm theo phụ lục)	7
14	Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Có kèm theo phụ lục)	4
15	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017	35
16	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018	4

FECON

CHƯƠNG TRÌNH

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Thời gian: 08h30 - Thứ 7, ngày 28 tháng 04 năm 2018

Địa điểm: Trụ sở Công ty CP khoáng sản FECON (Cụm CN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam)

STT	Thời gian	Nội dung
1	08h00- 08h30	- Tiếp đón đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	08h30- 09h00	- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội - Giới thiệu đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự và quy chế làm việc của Đại hội - Khai mạc Đại hội
3	09h00- 10h50	<u>Thông qua các báo cáo:</u> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, Kế hoạch 2018 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, Kế hoạch hoạt động năm 2018 - Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập. - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, Kế hoạch hoạt động năm 2018
4	09h50- 10h30	<u>Thông qua các Tờ trình:</u> - Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2017 đã kiểm toán - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017. - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. - Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 - Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty - Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
5	10h30- 11h10	- Thảo luận và trả lời chất vấn - Biểu quyết nội dung Báo cáo, Tờ trình
6	11h10-11h25	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
7	11h25- 12h50	- Thông qua kết quả biểu quyết - Thông qua biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ - Bế mạc Đại hội

Hà Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON NĂM 2018**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (“ĐHĐCĐ”) của công ty cổ phần Khoáng Sản FECON (“Công ty”)
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp ĐHCĐ, điều kiện, thể thức tiến hành họp ĐHCĐ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và người tham dự họp ĐHCĐ có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,
NGƯỜI THAM DỰ HỌP TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1 Điều kiện tham dự ĐHCĐ:

Là các cổ đông hoặc là người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 26/3/2018 tham dự họp ĐHCĐ.

3.2 Quyền của các cổ đông khi tham dự ĐHCĐ:

- (a) Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (b) Trường hợp không thể tham dự ĐHCĐ, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp ĐHCĐ của Công ty.
- (c) Tại cuộc họp ĐHCĐ, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự ĐHCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp ĐHCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/ đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp ĐHCĐ.
- (d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHCĐ muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHCĐ, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHCĐ và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự ĐHCĐ:



- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
- (f) Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
- (g) Cổ đông ra về khi buổi họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc phải nộp lại thẻ biểu quyết, nộp lại phiếu biểu quyết đã đánh dấu các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban chủ tọa

4.1 Ban chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.

4.2 Ban chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:

- (a) Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (b) Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- (c) Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (d) Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e) Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (g) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - (ii) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- (h) Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

Chủ tọa chỉ định 01 (một) người làm Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban chủ tọa, bao gồm:

- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b) Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

252
NG T
PH
ÁNG
ECO
ÁNG-T

(c) Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Ban Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.

7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- (a) Đọc Quy chế biểu quyết, kiểm phiếu.
- (b) Giới thiệu phiếu và phát phiếu.
- (c) Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (d) Tiến hành kiểm phiếu.
- (e) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

9.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ dự kiến sẽ diễn ra trong một ngày.

9.2 ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.

Điều 10. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

10.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua thư ký theo mẫu Phiếu đóng góp ý kiến của công ty. Sau khi được chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.

10.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, Phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

10.3 Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập họp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.



10.4 Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu được ĐHĐCĐ 2018 thông qua.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 13. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

13.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

13.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

CHƯƠNG V HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 05 Chương và 14 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.


Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON (“Đại hội”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- (a) Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phải biểu quyết công khai và trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Chủ tọa.
- (b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- (c) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

- (a) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thông qua các nội dung của Đại hội là thẻ, phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty, có mã vạch và đóng dấu treo của Công ty. Trên mỗi phiếu có các thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(c) Hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng gior THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau đây:

- (i) Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- (ii) Thông qua chương trình họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
- (iii) Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác tại Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách gior THẺ BIỂU QUYẾT theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc Không có ý kiến.

- Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình họp, gồm các báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội.

Trong một PHIẾU BIỂU QUYẾT, các nội dung lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác.

Trường hợp PHIẾU BIỂU QUYẾT không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm, cổ đông có thẻ liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và phải nộp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.

Cách ghi PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- (i) Cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng vấn đề được nêu trong PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (ii) Trong trường hợp có các vấn đề biểu quyết phát sinh ngoài các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, với điều kiện các vấn đề này được Đại hội thông qua để đưa vào các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, các cổ đông sẽ ghi các nội dung mới này vào dòng bỏ trống của PHIẾU BIỂU QUYẾT theo hướng dẫn



của Ban chủ tọa. Tương tự, cổ đông **đánh dấu "X"** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng nội dung được bổ sung.

(d) Quy định khác đối với **THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT**:

THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu hồng**.

PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Phiếu được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có mã vạch do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bị rách ròi, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác không theo hướng dẫn của Ban chủ tọa, thêm ký hiệu;
- Phiếu không được điền vào ô nào hoặc được điền vào nhiều hơn một phương án trả lời mà không có chữ ký của cổ đông vào phương án trả lời cuối cùng;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

4. Nguyên tắc thu Phiếu và tổ chức kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.
- Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thông kê và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được.
- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

5. Công bố kết quả kiểm phiếu và khiếu nại về kết quả kiểm phiếu:

- Trường Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp
- Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

Hiệu lực: Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.



Hà Thế Phương

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng,
tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-0226) 3533 038 Fax: (84-0226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018



Hà Nam, tháng 4 năm 2018

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi: Các dự án lớn đã kí từ cuối năm ngoái khối lượng còn tiếp tục sang quý II năm nay, thị trường cọc cuối năm sôi động, nhiều dự án mới triển khai các dự án mới kí như: NĐHD; Khu đô thị phát triển nam Hội An, LG Hải Phòng; Khu đô thị Thịnh Liệt, Thép Hòa Phát, Vinfat Hải Phòng...Ngoài ra các dự án nhà xưởng, nhà biệt thự, tại các khu công nghiệp; khu đô thị; nhà trung cư.. Do FCM tự kí có khoảng hơn 100 dự án. Cả năm cung cấp ra thị trường 1,7 triệu m dài cọc phục vụ cho 142 dự án (doanh thu tự bán chiếm 40%).

2. Khó khăn:

- Máy móc thiết bị có dấu hiệu xuống cấp, đặc biệt là cầu ở d/c 2.
- Công suất bê tông ở trạm trộn d/c 1 thấp.
- Thị trường miền trung ít dự án.
- Mỏ đá Hải Đăng chưa tiếp cận được các dự án lớn.

II. Kết quả SX KD năm 2017

1. Kết quả đạt được

1.1. Các chỉ tiêu về tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017		Tỉ lệ %	
				KH	TH	So với 2016	So với KH 2017
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	692,4	560	778,9	112,5	139
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	40,9	28	30,2	73,8	107,8
3	Chia cổ tức (đề xuất)	%	5	5	5		

- 1.2. Hoàn thành đạt và vượt kế hoạch SXKD được ĐHDCD 2017 Thông qua.
- 1.3. Tổ chức thành công chương trình kỉ niệm 10 năm thành lập công ty hướng tới nội bộ được CBCNV, bạn bè, đối tác đánh giá cao. tạo ra một bầu không khí thi đua phấn khởi trong công ty.
- 1.4. Tạo việc làm ổn định cho người lao động trong cả năm. Thu nhập của người lao động trực tiếp được cải thiện hơn lương bình quân đạt 9-10 triệu/tháng.

- 1.5. Trình độ chuyên môn được nâng cao. người lao động yên tâm công tác. Nhân sự cả năm tương đối ổn định, cả năm tuyển mới 17 người ở tất cả các vị trí.
- 1.6. An toàn lao động: có 5 vụ, trong đó có 3 vụ trong sản xuất và 2 vụ liên quan tới an toàn giao thông.
- 1.7. Chất lượng sản phẩm khá ổn định được khách hàng đánh giá cao. tỉ lệ lỗi loại C tại nhà máy: 0,17%. số thư phản nản về chất lượng cọc trong năm: 3 thư. cọc bị sự cố ở công trường mà lỗi do chất lượng bê tông không có. có ghi nhận một số lỗi ngoại quan.
- 1.8. Năng suất được duy trì khoảng 6000m cọc/ngày. Cả năm SX phục vụ 142 dự án với 1,7 triệu m dài cọc được cấp tới công trường.
- 1.9. Công tác tự bán hàng được cải thiện tốt. Doanh thu tự bán chiếm 43%DT tại FCM. Với mạng lưới đối tác khách hàng truyền thống trên 10 đối tác.
- 1.10. CBCNV tích cực tham gia vào phong trào SK cải tiến. Toàn công ty đã đưa được 98 SK vào áp dụng thành công, như vậy là từ năm 2009 đến nay đã có khoảng trên 600 sáng kiến được ứng dụng đem lại hiệu quả thiết thực về mọi mặt: Năng suất, chất lượng, an toàn, điều kiện làm việc, môi trường...Đặc biệt có những thay đổi lớn theo hướng hợp lý hóa dòng chảy của sản phẩm như: Sắp đặt lại xưởng 2 và xưởng cát. Cùng với tổng công ty nghiên cứu và SX thành công các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường trong tương lai như: cọc cừ vuông, cọc vỏ thép, cọc viển thông...
- 1.11. Hệ thống thiết bị của TQ sau 10 năm hoạt động tại đây chuyên 1 vẫn được người TQ đánh giá còn khá tốt.
- 1.12. Hệ thống nhà CC trung thành tối thiểu mỗi loại có từ 2-3 nhà và mua được với giá tốt nhất. đặc biệt các nguyên vật liệu chính.
- 1.13. Hệ thống đối tác tái chính tin tưởng cho vay bằng tín chấp.
- 1.14. Hệ thống quy chế, quy trình được ban hành đầy đủ, vận hành theo hệ thống quản lí chất lượng ISO 9001:2015

2. Những việc còn tồn tại

- 2.1. Về sản xuất tự giác, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm vẫn chưa thực sự tự giác, vẫn phải có người đôn đốc nhắc nhở mới chú ý tới an toàn và chất lượng. sử dụng nguyên, nhiên vật liệu chưa thực sự tiết kiệm, hiệu quả...
- 2.2. Công tác cung ứng vẫn còn chậm ảnh hưởng phần nào tới Sản xuất và Sửa chữa.
- 2.3. Công tác đào tạo cho toàn hệ thống FCM còn hạn chế chưa phát huy được hết nguồn lực hiện có.

3. Báo cáo thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2017

- 3.1. Ban điều hành luôn bám sát nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua để triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được các kết quả như đã nêu trên.
- 3.2. Đầu tư thêm xe nâng hàng, xe vận chuyển... đem lại hiệu quả thiết thực giúp tăng thêm năng suất và chất lượng phục vụ các dự án lớn của công ty.

48
Y
IN
S
N
T.H

4. Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban điều hành Công ty:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
Ban giám đốc			
1	Phạm Trung Thành	Giám đốc	
2	Cao Văn Thái	Phó giám đốc SX&TB	
3	Lê Quang Trung	Phó giám đốc kỹ thuật	
Kế toán trưởng			
3	Đào Trung Dũng	Kế toán trưởng	

- Tính đến hết ngày 31/12/2017 số lượng nhân sự chung của toàn Công ty là 295 người.
- Nhìn chung cơ cấu tổ chức của toàn hệ thống đã tương đối hoàn chỉnh, được tổ chức một cách khoa học, hiệu quả, đề cao tính năng động trong hoạt động. Các vị trí quản lý, ngoài chuyên môn vững trong lĩnh vực mình quản lý, cũng luôn có ý thức trau dồi năng lực quản lý, nhằm mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh, tìm mọi biện pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm sức lao động, giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh.
- Công ty đã ban hành chính sách nhân sự và nội quy lao động khá rõ ràng, có tính động viên khuyến khích cao.
- Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ và hiệu quả công việc được giao. Tổng thu nhập bình quân của người lao động trực tiếp trong năm 2017 là khoảng 9 triệu đồng/ tháng.
- Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ, công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khích thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau, sinh nhật với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.
- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty.

- Thường xuyên cập nhật những thay đổi của Pháp luật lao động, thiết lập các chính sách, quy trình, biểu mẫu, quản lý, tổ chức, thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, quy chế, chính sách của Công ty. Sửa đổi, ban hành nội quy, quy chế, chính sách, quy trình phù hợp với Pháp luật lao động và tình hình thực tiễn của Công ty.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Cơ sở lập kế hoạch

- Căn cứ vào đặc điểm thị trường năm 2018. Hiện nay chúng ta đang SX phục vụ các dự án lớn là Dự án thép Hòa Phát tại Dung Quất Quảng Ngãi, DA nhà máy SX oto Vinfast Hải phòng, Dự án AEON Hà Đông..., ngoài ra dự báo các dự án trọng điểm như: NĐNĐ và NDNS2, NĐ Bắc Giang cuối năm triển khai. Như vậy vẫn tập trung chủ yếu vào các dự án công nghiệp nặng, nhà xưởng tiền chế của các nhà máy mới, nhà biệt thự của các khu đô thị, nhà trung cư thu nhập thấp, trung tâm thương mại...

- Phát huy những việc làm được và khắc phục những việc chưa làm được để phấn đấu mục tiêu:

2. Các chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ tăng (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410	0
2	Doanh thu	Tỷ	778,9	700	-10,1
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	30,2	34	12,5
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5	-

3. Đầu tư mở rộng.

3.1. Đầu tư nghiên cứu và SX các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, kè sông, biển: 10 tỉ

3.2. Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ SX : 15 tỉ

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018



Phạm Trung Thành

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng,
tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-226) 3533 038 Fax: (84-226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Hà Nam, tháng 04 năm 2018



Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Kính thưa Đại hội, thưa các Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, Hội Đồng Quản Trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và định hướng hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2017:

Năm 2017, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết triển khai thực hiện các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Cụ thể như sau:

1. Về kết quả kinh doanh năm 2017:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017. Kết quả là năm 2017 Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Các chỉ tiêu Tài chính cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Vốn điều (tỷ)	410	410	
Doanh thu hợp nhất (tỷ)	560	778,9	139
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ)	28	30,2	108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		839	
Chia cổ tức dự kiến (%)	5	5	

2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và của từng thành viên Hội đồng quản trị.

Thù lao Hội đồng quản trị được chi trả vào tài khoản cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị hàng tháng theo đúng mức chi trả đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Cụ thể như sau:



Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao/tháng (triệu)	Tổng số (triệu)	Ghi chú
Hà Thế Phương	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	25	300	
Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch HĐQT	7	84	
Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	5	60	
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	5	60	
Ngô Mạnh Quân	Thành viên HĐQT	5	60	
Nguyễn Thanh Vân	Trưởng Ban KS	5	60	
Nguyễn Thị Nghiênn	Thành viên BKS	3	36	
Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên BKS	3	36	
Trần Thị Hải Yến	Thư ký HĐQT	3	12	Từ tháng 01 đến hết tháng 4/2017
Nguyễn Hữu Thiênn	Thư ký HĐQT	3	24	Thay thế bà Trần Thị Hải Yến từ tháng 5/2017
Tổng cộng		61	732	

3. Tổng kết các cuộc họp Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã họp định kỳ mỗi quý 1 lần để nghe báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và có những Nghị quyết, quyết định kịp thời. Các quyết định cụ thể như sau:

* Các nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị (Năm 2017)

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0901/2017/NQ-HĐQT/FCM	09/01/2017	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 điều 159 và khoản 1 điều 162 luật doanh nghiệp năm 2014.
2	1602/2017NQ-HĐQT/FCM	16/02/2017	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại
3	2002/2017/NQ-HĐQT/FCM	20/02/2017	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
4	1503/2017/QĐ-HĐQT/FCM	15/3/2017	Bổ nhiệm ông Lê Quang Trung làm phó giám đốc kỹ thuật Chất lượng
5	0305/2017/NQ-HĐQT- FCM	03/05/2017	Nghị quyết chi trả cổ tức năm 2016

6	1905/2017/NQ-HĐQTFCM	19/5/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I và KH quý II năm 2017
7	1905-1/2017/NQ-HĐQTFCM	19/5/2017	Về mở hạn mức năm 2017
8	190505/2017/QĐ-HĐQT	19/5/2017	Miễn nhiệm vị trí thư ký HĐQT công ty (đối với bà Trần Thị Hải Yến)
9	190504/2017/QĐ-HĐQT	19/5/2017	Quyết định v/v bổ nhiệm thư ký HĐQT công ty đối với ông Nguyễn Hữu Thiệu
10	120601/2017/HĐQT-FCM	12/6/2017	Thông qua việc ban hành quy chế tài chính công ty
11	2407/2017/NQ-HĐQTFCM	24/7/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và KH 6 tháng cuối năm năm 2017.
12	011101/2017/NQ-HĐQTFCM	01/11/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III và KH quý IV năm 2017
13	011102/2017/NQ-HĐQTFCM	01/11/2017	V/v thu hồi công nợ đối với TCT khoáng sản xây dựng dầu khí Nghệ An
14	151101/2017/NQ-HĐQTFCM	15/11/2017	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng của Ông Hoàng Văn Thoan
15	151102/2017/QĐ-HĐQTFCM	15/11/2017	Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty (đối với ông Đào Trung Dũng)

*** Các nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị (Năm 2018)**

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0206/2018/NQ-HĐQTFCM	06/02/2018	V/v thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018 và việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2	0213/2018/QĐ-HĐQTFCM	13/02/2018	V/v họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý

- Hội đồng quản trị luôn theo sát và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ của mình theo điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch thay mặt HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề, họp lãnh đạo để nắm được tình hình thực tế, các vấn đề cần giải quyết và có chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản và các chỉ đạo khác theo thẩm quyền được qui định trong điều lệ công ty và các qui chế quản trị đã ban hành.

- Ban điều hành luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các qui định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Từng

thành viên Ban điều hành luôn trách nhiệm, tận tụy với công việc, báo cáo và bàn bạc kịp thời để cùng nhau hoàn thành tốt được nhiệm vụ đã đặt ra.

- Kết luận Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017.

5. Các công việc khác

- Về chủ trương góp vốn xây dựng nhà máy vỏ hầm ở khu đất xin mở rộng nhà máy về phía đông không hợp lý vì chi phí vận chuyển quá cao.

- Chủ trương đầu tư mở rộng nhà máy về phía đông thêm 4.5ha: Ban điều hành đã xin chủ trương và được lãnh đạo tỉnh Hà Nam đồng ý cho nghiên cứu tính khả thi cho việc mở rộng diện tích 4.5ha về phía đông Nhà máy. Dự án bao gồm 3 mảnh đất, trong đó có 2 mảnh với tổng diện tích 2,4ha nằm dưới làn dây điện cao thế → không phù hợp cho hoạt động mở rộng nhà máy nên đã dừng lại, không xin mở rộng nhà máy nữa.

- Việc nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới: Hiện đã nghiên cứu sản xuất thành công một số sản phẩm mới như: Cọc cừ vuông ly tâm, Cọc vỏ thép, vỏ hầm.

II. Định hướng chiến lược trung dài hạn 3-5 năm tới, Kế hoạch hoạt động năm 2018

1. Kế hoạch từ 3-5 năm tới

Đặc điểm tình hình:

1.1 Thuận lợi:

- Thị trường có sự tăng trưởng tốt.
- Kinh nghiệm sản xuất, quản lý, và các mối quan hệ.
- Đội ngũ công nhân lành nghề.
- Khu nguyên liệu lớn và rẻ nhất Việt Nam.

1.2 Khó khăn:

- Đối thủ cạnh tranh mới vào nghề tăng, hầu hết mạnh về tài chính và công nghệ.
- Cạnh tranh ngày càng gay gắt, khốc liệt, đặc biệt cạnh tranh xấu.
- Công nghệ cũ, năng suất thấp.

2. Kế hoạch trong vòng 3-5 năm tới

- Không ngừng cải tiến công nghệ, máy móc thiết bị, nâng cao năng suất.
- Tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy FECON Nghi Sơn. Chuyển nhà máy FCNS ra cửa sông và có thể xây dựng cảng trong nhà máy.
- Tìm kiếm thêm đối tác chiến lược để đầu tư mở rộng nhà máy Thanh Hoá, phát huy thế mạnh của vận chuyển biển để cấp cọc đi miền Nam, xuất khẩu.

3. Kế hoạch năm 2018

- Thoái vốn tại Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng: Nguyên giá Theo giá trị sổ sách và tỷ lệ vốn góp tại thời điểm 31/12/2017.

- Các chỉ tiêu về Tài chính

Chỉ tiêu	Hoàn thành 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ (%)
Vốn điều lệ (tỷ)	410	410	
Doanh thu (tỷ) - (bao gồm cả phần thương mại 130 tỷ)	779	700	89,9
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ)	30,2	34	112,5
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	839	839	
Chia cổ tức (%)	5	5	
Thưởng ban điều hành	2% LNST	2%	

Thay mặt Hội đồng quản trị xin được gửi đến Quý đại biểu, các vị khách quý cùng toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2018;
- Lưu: TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hà Thê Phương

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng,
tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-226) 3533 038 Fax: (84-226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn



BÁO CÁO
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Hà Nam, tháng 04 năm 2018

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2017.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm tài chính 2017, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Quy định, Thành viên độc lập HĐQT xin báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT/BGD với đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản FECON năm 2017 như sau:

1. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2017:

Năm 2017, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm hành động hóa định hướng chiến lược kinh doanh. Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia và có ý kiến độc lập, chi tiết tại từng cuộc họp, cùng HĐQT chỉ đạo, giám sát kiểm soát sát sao Ban giám đốc trong công tác thực hiện.

Một số nội dung về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 như sau:

STT	NQ - kế hoạch 2017	Kế hoạch	Thực hiện 2017	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Đánh giá
I	Nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông				
1	Hoạt động SXKD				
	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	410	410	-	
	Doanh thu (tỷ đồng)	560	778,9	139	
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	28	30,2	107,8	
	Cổ tức (% vốn điều lệ)	5			Đợi thông qua tại ĐHCĐ
2	Hoạt động đầu tư				
	- Mở rộng nhà máy sản xuất cọc BTLT DUL thuộc dây chuyền 2		không	0	Điều kiện thực tế chưa phù hợp chi phí vận chuyển cao, dự án nằm dưới hạ tầng điện cao thế của địa phương
	- Đầu tư nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn		không	100	Hiện đã nghiên cứu sản xuất thành công một số sản phẩm mới như: Cọc cừ vuông ly tâm, Cọc vỏ thép, vỏ hầm.

1025
ÔNG
Ổ P
DÁN
FEC
TÁN

3	Phương án phân phối lợi nhuận 2017				
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (% LNST)	15			Đội NQ ĐHCĐ 2018 thông qua
	Trích quỹ đầu tư phát triển (% LNST)	10			Đội NQ ĐHCĐ 2018 thông qua
	PP thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT (tỷ đồng)	0,732	0,732	100	
	Cổ tức bằng tiền (% vốn điều lệ):	5			Đội NQ ĐHCĐ 2018 thông qua
4	Hoạt động Phân phối lợi nhuận 2016				
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (tỷ đồng)	15% LNST	4	100	
	Trích quỹ đầu tư phát triển (tỷ đồng)	10% LNST	2,7	100	
	Cổ tức bằng tiền (tỷ đồng)	5% LNST	20,5	100	
	Thưởng BĐH kết quả SKD 2016 (tỷ đồng)	2% LNST	0,540	100	
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2017			100	
II	Nghị quyết thuộc thẩm quyền HĐQT 2017				
1	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 điều 159 và khoản 1 điều 162 luật doanh nghiệp năm 2014.				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
2	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
3	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
4	Bổ nhiệm ông Lê Quang Trung làm phó giám đốc kỹ thuật Chất lượng				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
5	Nghị quyết chi trả cổ tức năm 2016				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
6	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I và KH quý II năm 2017				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm

254
 3 TY
 HAN
 GS
 ON
 1-1

7	Về mở hạn mức năm 2017 quan hệ tín dụng				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
8	Quyết định v/v bãi nhiệm thư ký HĐQT đối với bà Trần Thị Hải Yến và bổ nhiệm vị trí thư ký HĐQT công ty đối với ông Nguyễn Hữu Thiều				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
9	Thông qua việc ban hành quy chế tài chính công ty				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
10	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và KH 6 tháng cuối năm năm 2017				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
11	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III và KH quý IV năm 2017				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
12	V/v thu hồi công nợ đối với TCT khoáng sản xây dựng dầu khí Nghệ An				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
13	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng của Ông Hoàng Văn Thoan				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
14	Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty - Ông Đào Trung Dũng				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
15	V/v thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018 và việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.			-	Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm
16	Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018				Phù hợp thực tiễn hoạt động của công ty tại thời điểm

Theo đó các nội dung hoạt động năm 2017 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 cùng các quyết sách của HĐQT đều đúng định hướng phát triển công ty đạt kế hoạch, giữ đúng cam kết với cổ đông.

2. Kết quả giám sát đối với Ban giám Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý

Hội đồng quản trị luôn theo sát và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ của mình theo điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Tại các cuộc họp HĐQT thường kỳ, Ban điều hành đều chuẩn bị đầy đủ tài liệu cuộc họp và cử người có trách nhiệm giải trình các vấn đề liên quan đến báo cáo đồng thời tiếp nhận thông tin từ các thành viên và chủ tịch HĐQT với tinh thần cầu thị tích cực.

Ban điều hành luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các qui định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Từng thành viên Ban điều hành luôn trách nhiệm, tận tụy với công việc, sẵn sàng trao đổi và chia sẻ kịp thời nhằm hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ.

Thành viên độc lập HĐQT cho rằng Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2017.

3. Kiến nghị cho năm 2018

- Tập trung nguồn lực và cơ chế nhằm cải thiện tình hình bán hàng của công ty cổ phần FECON Nghi Sơn
- Nhanh chóng tìm nhà đầu tư để chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng với mức giá hợp lý nhất.
- Cân đối nguồn tiền để chi trả cổ tức (nếu được Đại hội thông qua) sớm hơn so với thời điểm chi trả năm 2017.

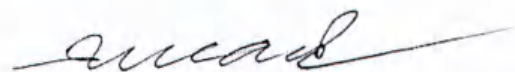
Trên đây, là ghi nhận của thành viên độc lập HĐQT về một số nét chính trong hoạt động của Hội Đồng Quản Trị/Ban giám đốc trong năm 2017 và kiến nghị hoạt động trong năm 2018. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kính trình trước Đại hội.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị xin được gửi đến Quý đại biểu, các vị khách quý cùng toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2018;
- Lưu: TK HĐQT

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



NGÔ MẠNH QUÂN





BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Hà Nam, tháng 04 năm 2018

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2017.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm tài chính 2017, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2017 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Nghiên: Thành viên
- Ông Nguyễn Mạnh Quân: Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

Năm 2017, thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
1	18/4/2017	Họp thường kỳ quý I đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
2	10/7/2017	Họp thường kỳ quý II đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
3	20/10/2017	Họp thường kỳ quý III đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
4	31/12/2017	Họp thường kỳ quý IV đánh giá kết quả hoạt động năm 2017

Ngoài ra tại các tại cuộc họp Ban kiểm soát còn: Đánh giá, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2017; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Đại diện Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;

Soát xét Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

1.1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các cuộc họp định kỳ và đột xuất đề thông qua các Nghị quyết, quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2017 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD thực tế của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định.

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017 đều bám sát mục tiêu định hướng phát triển chiến lược của hệ thống FECON.

1.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ nghị quyết HĐQT/Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017. Các chỉ tiêu kinh doanh đạt và vượt mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoàn thành thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban giám đốc đã có nhiều biện pháp để triển khai định hướng phát triển sản xuất của HĐQT; khắc phục khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất tăng trưởng trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn ngày càng xuất hiện nhiều dây chuyền sản xuất cọc với công suất lớn, điều này làm tăng sự cạnh tranh với các đối thủ trong ngành sản xuất cọc vốn đã rất căng thẳng

Ban giám đốc đã có những hành động thiết thực trong việc tập trung nguồn lực bán hàng, giảm chi phí sản xuất thông qua các biện pháp như: Cải tổ bộ máy quản lý, không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, nghiên cứu tiết kiệm chi phí đầu vào, tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm giảm giá thành, nâng cao năng suất lao động để tăng khả năng cạnh tranh.

Bên cạnh đó, công tác thi đua sáng kiến vẫn được duy trì và phát triển, ngày càng có nhiều cán bộ nhân viên tích cực tham gia.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo Quy định của pháp luật.

Về chế độ với người lao động: Ban giám đốc đã quan tâm và chăm lo tốt đến người lao động trong công ty cả về vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Ban giám đốc công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm 2017.

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất năm 2017 đã được Ban giám đốc lập và được công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính

đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty giai đoạn 01/01/2017 đến 31/12/2017, các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo hợp nhất tại ngày 31/12/2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2017
1	Tổng tài sản, trong đó:	Triệu	1.037.179
	– Tài sản ngắn hạn	Triệu	686.993
	– Tài sản dài hạn	Triệu	350.186
2	Tổng cộng nguồn vốn, trong đó:	Triệu	1.037.179
	– Nợ phải trả	Triệu	469.254
	– Vốn góp chủ sở hữu và các quỹ	Triệu	567.924
3	Tổng doanh thu (thuần)	Triệu	778.919
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu	40.070
5	Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	Triệu	34.404
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	823

Ngoài ra, chúng tôi không thấy có biểu hiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của ban giám đốc không phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty.

5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và cộng tác tích cực từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong việc trao đổi thông tin, thông báo triệu tập họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát.

Ban giám đốc điều hành đã cử các cán bộ có trách nhiệm làm việc kịp thời với Ban kiểm soát khi có yêu cầu, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ hợp tác.

Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban GD điều hành đã đáp ứng được yêu cầu quyền lợi của các cổ đông.

Kiến nghị cho năm 2018: HĐQT và BGD cần:

Duy trì và tạo điều kiện để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động hiệu quả hơn giúp việc huy động nguồn cho hoạt động kinh doanh được đảm bảo.

Phổ biến, áp dụng quy trình/quy chế đã xây dựng đến mỗi phòng/ban/phân xưởng nhằm giúp việc triển khai nghị quyết HĐQT/BGD được nhanh chóng.

Có cơ chế thưởng sáng kiến khi áp dụng thành công sáng kiến vào thực tiễn sản xuất/quản lý nhằm thúc đẩy tinh thần sáng tạo của người lao động, tăng năng suất lao động.

Tăng cường giám sát công tác quản trị của các đơn vị con: Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng và Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn để thúc đẩy tăng năng lực cạnh tranh, tăng hiệu quả sản xuất.

Tiếp tục củng cố, tăng cường nguồn lực cho công tác kinh doanh, bán hàng và công tác quản lý. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn (đặc biệt là nguồn vốn lưu động bằng cách tăng vòng quay nguyên vật liệu và hàng tồn kho) nhằm tiết giảm chi lãi vay.

Tập trung thúc đẩy công tác bán hàng mảng khai thác khoáng sản để Công ty có thể hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và tăng lợi nhuận năm 2018.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2018 như sau:

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến với HĐQT, đề xuất các kiến nghị với Ban Giám đốc nhằm thúc đẩy, triển khai đầy đủ, kịp thời các công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của BKS;

Soát xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án, công tác quản lý tổ chức...

Soát xét, nêu ý kiến về Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty;

Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban giám đốc;

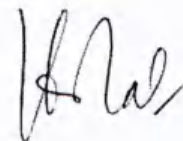
Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban, đơn vị chức năng trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Ban kiểm soát xin gửi tới các quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

*Chúc đại hội thành công tốt đẹp!
Xin trân trọng cảm ơn.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON

-----***-----

Số: 01/TTr-HĐQTFCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua BCTC năm 2017 đã kiểm toán

- qua;
- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
 - Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
 - Căn cứ Báo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
 - Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty cổ phần Khoáng sản FECON, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được công bố thông tin theo quy định tại Website chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.feconmining.com.vn).

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	830.922.152.237	1.037.179.542.512
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	470.832.352.185	567.924.701.274
3	Doanh thu thuần	Đồng	749.195.459.341	778.919.506.806
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	32.061.169.074	30.272.270.373
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		839

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

Số: 03/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận 2017

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Tính đến thời điểm 31/12/2017, lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước của Công ty là **12.444.381.159** đồng, Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2017 trình ĐHĐCĐ phê duyệt như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	12.444.381.159	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	30.272.270.373	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	7.568.067.593	25%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.540.840.556	15%
Quỹ đầu tư phát triển	3.027.227.037	10%
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017	732.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2017	605.445.407	2%
Chia cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phương án chia cổ tức năm 2017: Bằng tiền mặt tương ứng 5% vốn điều lệ và ủy quyền cho Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.


Hà Thế Phương



Số: 04/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	778,9	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	30,2	34
4	Cổ tức bằng tiền (% VĐL)	%	5%	5%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	10% Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	984.000.000VNĐ
Cổ tức bằng tiền mặt	5% Vốn điều lệ

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

Số: 02/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017;
dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;

- Căn cứ Báo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2017:

Tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 1404/2017/NQ – ĐHĐCĐ ngày 14/4/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2017 như sau:

TT	Chức vụ/vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2017 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	5.000.000	180.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	5.000.000	60.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	3.000.000	72.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
Tổng cộng				732.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua quyết toán thù lao năm 2017 của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT là: 732.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).



2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2018:

- Dự kiến mức trả thù lao:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2018 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	120.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	288.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	96.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	120.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				984.000.000

- Thời gian trả thù lao: Hàng tháng trả vào tài khoản cá nhân của từng người có trong danh sách được phê duyệt.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hà Thế Phương

Số: 05/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Danh sách để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;

- Căn cứ Báo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua danh sách 03 công ty Kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2018 như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC);
3. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiền độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON

-----***-----

Số: 06/TT-HĐQTFCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;

Để đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý, và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm duy trì uy tín cũng như nâng cao thương hiệu FECON mining trên thị trường, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh một số nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua ngày 21/3/2015 (Có nội dung đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với các yêu cầu trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



H. Thế Phương



**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

(Kèm theo tờ trình số: 06/TTr - HĐQTFCM ngày 12/4/2018)

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	DỰ KIẾN THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI/CĂN CỨ
1.	Phần mở đầu	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ năm 2015	Điều lệ này được sửa đổi và thông qua theo quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 04 năm 2018	Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 28 tháng 04 năm 2018
2.	Điểm b, Khoản 1, Điều 1	Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014	
3.	Điểm đ, Khoản 1, Điều 1	Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	<i>Người có liên quan</i> là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010	khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010
4.	Điểm b, Khoản 3, Điều 11	Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh Nghiệp;	Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp	Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp
5.	Mục a, Khoản 3, Điều 13	a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	Mục a, Khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
6.	Mục b, Khoản 3, Điều 13	Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo 6 tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;	Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật	Mục b, Khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015



7.	Mục d, Khoản 3, Điều 13	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành biểu bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Mục d, Khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
8.	Mục e, Khoản 3, Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoại phạm vi quyền hạn của mình;	Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Mục e, Khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
9.	Khoản 1, Điều 16	Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
10.	Khoản 1, Điều 20	Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:	Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:	Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
11.	Khoản 1, Điều 24	Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập	Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập (đối với công ty đại chúng và	Nghị định 71/2017

		(đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần 3 (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.	
12.	Khoản 1, Điều 25.	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
13.	Khoản 3, Điều 25	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông qui định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	
14.	Mục a, khoản 3 Điều 25	Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	Mục a, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
15.	Mục b, khoản 3 Điều 25	Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;	Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Mục b, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
16.	Mục c, khoản 3 Điều 25	Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;	Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Mục c, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015

17.	Mục d, khoản 3 Điều 25	Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty	Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;	Mục d, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
18.	Mục đ, khoản 3 Điều 25	Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;	Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp ;	Mục đ, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
19.	Mục e, khoản 3 Điều 25	Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;	Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	Mục e, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
20.	Mục g, khoản 3 Điều 25	Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	Mục g, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
21.	Mục h, khoản 3 Điều 25	Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;	Mục h, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015

25
 TY
 AN
 SA
 N
 .H

22.	Mục i, khoản 3 Điều 25	Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Mục i, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
23.	Mục k, khoản 3 Điều 25	Báo cáo ĐHCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;	Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	Mục k, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
24.	Mục l, khoản 3 Điều 25	Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;	Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Mục l, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
25.	Mục m, khoản 3 Điều 25	Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;	Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	Mục m, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
26.	Mục n, khoản 3 Điều 25		Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;	Mục n, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
27.	Mục o, khoản 3 Điều 25		Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	Mục o, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015



28.	Mục p, khoản 3 Điều 25		Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;	Mục p, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
29.	Mục q, khoản 3 Điều 25		Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập (đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần 3 (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Mục q, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68 có hiệu lực từ 1/07/2015
30.	Khoản 1, Điều 33	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	

Số: 07/TT-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của công ty

- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;

Để đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý, và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm duy trì uy tín cũng như nâng cao thương hiệu FECON mining trên thị trường, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Có nội dung đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với các yêu cầu trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.





**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

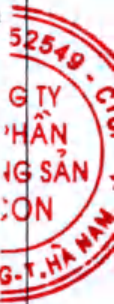
(Kèm theo tờ trình số: 07/TTr - HĐQTFCM ngày 12/4/2018)

STT	NỘI DUNG	QUY CHẾ HIỆN NAY	DỰ KIẾN THAY ĐỔI	LÝ DO
1.	Phần đầu tiên	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 130415/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2013 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản FECON)</i>	<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-HĐQTFCM ngày 28 tháng 4 năm 2018)</i>	khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP
2.	Điểm a, khoản 1, Điều 1	Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 19/11/2005	Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014	
3.	Điểm c, khoản 1, Điều 1	Thông tư 121 /2012/TT-BTC ngày 26/07/2012	Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng	
4.	Điểm d, khoản 1, Điều 1	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON sửa đổi theo Điều lệ mẫu Công ty đại chúng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 02 năm 2013	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON sửa đổi theo Điều lệ sửa đổi bổ sung được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018	
5.	Khoản 1, Điều 2		Bổ sung các chữ viết tắt như TTLKCK, SGDCK... ở phần sau	
6.	Khoản 1, Điều 3	HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ	Hội đồng quản trị hoặc <u>người triệu tập cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, <u>bố trí địa điểm</u> , thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông	khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp

7.	Điều 9	- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế này - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty	- Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>và ra quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp</u> - Nội dung <u>ngghi quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty	Điều 147 Luật Doanh nghiệp
8.	Khoản 5, Điều 12	Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành <u>trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u>	Bỏ đoạn: trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	khoản 2 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP
9.	Khoản 1, Điều 13	Đoạn: Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được Công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.	Đoạn: Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được Công bố tối thiểu <u>10 ngày</u> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.	khoản 1 Điều 11 Nghị định 71/2017/NĐ-CP
10.	Khoản 1, Điều 17	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần”.	khoản 1 Điều 16 Nghị định 71/2017/NĐ-CP
11.	Điều 23.	Các định nghĩa, khái niệm	Đề nghị đưa quy định này lên phần đầu cho thống nhất	Đưa vào Điều 2
12.	Điều 24.	Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng	Đề nghị bỏ phần trong dấu ngoặc vì chức danh trong công ty là thống nhất	
13.	Khoản 1, Điều 24	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng giám đốc) theo quy định tại điều 57 của Luật doanh nghiệp 2005:	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp 2014:	
14.	Khoản 3, Điều 24	3. Tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn Kế toán trưởng	3. Tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn Kế toán trưởng	



		- Tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn kế toán trưởng theo quy định tại điều 53 Luật kế toán 2003; - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại điều 51 Luật Kế toán 2003;	- Tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn kế toán trưởng theo quy định tại Điều 54 Luật Kế toán 2015; - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 Luật Kế toán 2015;	
15.	Điều 25.	...Nhiệm kỳ của Giám đốc (tổng giám đốc) điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.....	...Nhiệm kỳ của Giám đốc (tổng giám đốc) điều hành là (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này..... Và Đề nghị bỏ phần trong dấu ngoặc vì chức danh trong công ty là thống nhất.	khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
16.	Khoản 1, Điều 39	Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định	Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này	
17.	Khoản 1, Điều 40	Quy chế này gồm 10 chương 40 điều, được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2013 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này	Quy chế này gồm 10 chương điều, được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2013 và được Đại hội đồng cổ đông Công ty sửa đổi, bổ sung vào ngày .../.../2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này	khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP
18.		đề nghị bổ sung thêm điều quy định về Thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và		Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC



	<p>khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
--	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hà Thế Phương	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên
	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
	Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên độc lập

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
	Ông Cao Văn Thái	Phó Giám đốc SX và Thiết bị
	Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc kỹ thuật

Bổ nhiệm 15/03/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Trung Thành

Giám đốc

Hà Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 239/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, được lập ngày 20/03/2018 từ trang 05 đến trang 35 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nellu'.

Đinh Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		686.993.637.449	617.573.744.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.273.098.004	28.873.758.672
1. Tiền	111		19.273.098.004	22.373.758.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	6.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.850.101.984	306.518.575.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	296.694.316.592	254.104.865.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.975.708.590	24.166.680.572
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	7.649.946.319	26.196.663.807
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(469.869.517)	(469.869.517)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	-	2.520.235.168
IV. Hàng tồn kho	140		309.161.324.429	278.846.712.353
1. Hàng tồn kho	141	5.6	309.161.324.429	278.846.712.353
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.709.113.032	3.334.698.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	12.623.198.343	2.041.387.434
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.733.241.673	937.637.561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	352.673.016	355.673.016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.185.905.064	382.592.809.059
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.156.261	1.824.550.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	500.156.261	1.824.550.000
II. Tài sản cố định	220		315.622.601.529	349.276.181.888
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	281.656.268.562	284.933.424.301
- Nguyên giá	222		550.003.469.616	504.163.340.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.347.201.054)	(219.229.915.922)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	11.908.333.118	39.541.935.080
- Nguyên giá	225		18.311.216.561	58.230.304.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.402.883.443)	(18.688.369.787)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	22.057.999.849	24.800.822.507
- Nguyên giá	228		26.365.773.610	27.929.073.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.307.773.761)	(3.128.251.103)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.266.407.396	22.008.792.199
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	27.266.407.396	22.008.792.199
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.796.739.878	9.483.284.972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	6.666.739.878	9.333.784.972
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		130.000.000	149.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.037.179.542.513	1.000.166.553.762

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		469.254.841.238	436.709.520.577
I. Nợ ngắn hạn	310		453.833.855.425	406.160.083.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	129.014.794.694	113.470.283.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.418.936.501	10.946.123.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	12.777.225.941	12.894.439.499
4. Phải trả người lao động	314		7.763.551.955	4.874.263.017
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	731.820.940	484.788.725
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		91.156.974	22.040.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.519.884.796	12.985.438.661
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	278.069.277.635	249.054.557.225
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		447.205.989	1.428.148.486
II. Nợ dài hạn	330		15.420.985.813	30.549.437.210
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	283.000.000	219.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	13.384.855.888	30.330.437.210
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.753.129.925	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		567.924.701.275	563.457.033.185
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	567.924.701.275	563.457.033.185
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		410.000.000.000	410.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		410.000.000.000	410.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.873.645.455)	(1.873.645.455)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		946.684.088	946.684.088
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.313.197.939	10.608.726.007
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.039.248.579	53.144.029.363
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		25.305.955.147	14.498.080.939
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		33.733.293.432	38.645.948.424
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		86.499.216.124	90.631.239.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.037.179.542.513	1.000.166.553.762
(440 = 300+400)				

Hà Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Ngô Thị Thanh

Đào Trung Dũng

Phạm Trung Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	779.250.457.923	692.651.773.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	330.951.117	166.142.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		778.919.506.806	692.485.631.045
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	620.369.305.982	563.002.535.036
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		158.550.200.824	129.483.096.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	538.048.325	448.642.184
7. Chi phí tài chính	22	5.22	20.730.698.717	18.894.772.306
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.540.473.546</i>	<i>18.153.542.506</i>
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	71.139.122.523	47.856.262.421
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	27.967.281.940	26.511.505.734
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		39.251.145.969	36.669.197.732
12. Thu nhập khác	31	5.24	1.133.203.505	21.924.700.267
13. Chi phí khác	32	5.24	314.031.746	10.982.271.454
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	819.171.759	10.942.428.813
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		40.070.317.728	47.611.626.545
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	8.044.917.430	7.597.095.552
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.753.129.925	(902.674.992)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.272.270.373	40.917.205.985
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		34.404.293.432	39.906.291.450
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.132.023.058)	1.010.914.535
20.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	823	843

Người lập



Ngô Thị Thanh

Kế toán trưởng



Đào Trung Dũng

Hà Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Phạm Trung Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.070.317.728	47.611.626.545
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	38.354.750.854	47.430.106.905
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	41.954.439	158.484.396
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(768.372.150)	(5.772.047.355)
- Chi phí lãi vay	06	20.540.473.546	18.153.542.506
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	98.239.124.417	107.581.712.996
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(38.449.037.354)	(91.363.728.255)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(47.507.421.663)	(34.863.082.963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	28.838.697.371	41.040.877.406
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(779.776.018)	2.671.370.703
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.729.488.552)	(18.045.258.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.861.709.966)	(9.159.523.404)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.263.544.781)	(5.531.482.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.486.843.454	(7.669.113.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.930.052.086)	(33.936.954.105)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	886.740.909	1.290.080.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	386.708.503	4.527.304.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.656.602.674)	(28.119.569.838)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	527.609.783.033	402.764.321.331
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(497.354.616.844)	(347.749.410.779)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(13.186.027.101)	(11.243.705.675)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.500.000.000)	(24.477.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.430.860.912)	19.294.204.877
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5.600.620.132)	(16.494.478.844)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.873.758.672	45.367.742.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(40.536)	494.779
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	23.273.098.004	28.873.758.672

Người lập

Kế toán trưởng




Ngô Thị Thanh

Đào Trung Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018
Giám đốc



Phạm Trung Thành

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là “Công ty”) đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ nghìn đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 295 người.

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON NGHI SON JOINT-STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 274 Tổng Duy Tân, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2017: nghiên cứu, sản xuất và thương mại.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2801128982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON Hải Đăng Mineral Joint Stock Company.

Vốn điều lệ : 90.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2017: Khai thác đá loăng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Công ty các con gồm: Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật thủ công nghiệp đô thị; Thí nghiệm cọc công nghệ cao;
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng, quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm;
- Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm, Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
- Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghiệp thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận;
- Tư vấn, môi giới bất động sản; Kinh doanh khách sạn, văn phòng;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Sản xuất bê tông thành phẩm các loại.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các Công ty con như sau:

	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
<u>Công ty con</u>			
- Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng	Khai thác khoáng sản	55%	55%
- Công ty CP FECON Nghi Sơn	Sản xuất bê tông	51,5%	51,5%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Thời điểm</u>	<u>Ngân hàng</u>	<u>Tỷ giá mua vào</u>	<u>Tỷ giá bán ra</u>
31/12/2017	Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam	22.665 VND/USD	22.735 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiềnTiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính (Tiếp theo)**Tài sản cố định thuê tài chính

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2017</u> (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thời gian sử dụng là 30 tháng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất thuê, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 4 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả và chi phí vận chuyển cọc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại, hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.679.113.830	955.300.443
Tiền gửi ngân hàng	15.593.984.174	21.418.458.229
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	6.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.000.000.000	6.500.000.000
Tổng	23.273.098.004	28.873.758.672

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	296.694.316.592	254.104.865.637
Công ty Cổ phần FECON	153.298.832.181	110.101.830.950
Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ thương mại Hiệu Thắng	24.017.117.918	20.028.927.408
Phải thu các đối tượng khác	119.378.366.493	123.974.107.279
Trong đó phải thu các bên liên quan	163.064.474.900	119.989.906.029
Công ty Cổ phần FECON	153.298.832.181	110.101.830.950
Công ty cổ phần hạ tầng FECON (FCI)	-	4.018.713.879
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	9.765.642.719	5.869.361.200
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	296.694.316.592	254.104.865.637

5.3 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	7.649.946.319	-	26.196.663.807	-
UBND tỉnh Thanh Hóa (tiền đền bù dự án)	3.073.537.322	-	3.073.537.322	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài Chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	276.716.122	-	1.134.742.936	-
Tạm ứng	2.507.495.740	-	19.952.355.124	-
Ký cược, ký quỹ	965.254.972	-	956.826.972	-
Phải thu khác	826.942.163	-	1.079.201.453	-
Dài hạn	500.156.261	-	1.824.550.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	500.156.261	-	1.824.550.000	-
Tổng	8.150.102.580	-	28.021.213.807	-

5.4 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	469.869.517	-	469.869.517	-
<i>Trong đó:</i>				Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Licogi 16.5				469.869.517
Tổng				469.869.517

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Đầu tư FECON		-		2.520.235.168
Tổng		-		2.523.235.168

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	886.245.327	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.352.164.211	-	124.762.407.660	-
Công cụ, dụng cụ	14.134.531.460	-	12.508.287.426	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	5.822.955.893	-	22.079.060.027	-
Thành phẩm	163.806.848.078	-	112.553.597.437	-
Hàng hóa	21.044.824.787	-	6.057.114.476	-
Tổng	309.161.324.429	-	278.846.712.353	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	12.623.198.343	2.041.387.434
Chi phí công cụ, dụng cụ	495.315.161	896.509.672
Chi phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp	315.909.909	-
Các chi phí khác chờ phân bổ	942.435.609	1.144.877.763
Chi phí vận chuyển	10.869.537.664	-
Dài hạn	6.666.739.878	9.333.784.972
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.647.784.346	1.353.516.146
Chi phí tư vấn	935.490.420	1.099.473.720
Chi phí đền bù, GPMB đường vận tải	2.546.158.193	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo	871.213.183	106.817.205
Chi phí vận chuyển và thuê mặt bằng	-	6.773.977.901
Chi phí khác	666.093.735	-
Tổng	19.289.938.221	11.375.172.406

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

B Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	183.338.985.534	242.185.156.927	76.201.300.830	965.843.922	1.472.053.010	504.163.340.223
Tăng trong năm	368.009.790	32.240.284.005	16.043.805.546	-	-	48.652.099.341
Mua trong năm	-	2.377.721.248	5.957.279.997	-	-	8.335.001.245
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	29.862.562.757	10.086.525.549	-	-	39.949.088.306
Đầu tư XDCB hoàn thành	368.009.790	-	-	-	-	368.009.790
Giảm trong năm	-	819.395.451	1.992.574.497	-	-	2.811.969.948
Thanh lý, nhượng bán	-	264.849.998	1.550.756.352	-	-	1.815.606.350
Điều chuyển, phân loại lại	-	554.545.453	441.818.145	-	-	996.363.598
Số dư tại 31/12/2017	183.706.995.324	273.606.045.481	90.252.531.879	965.843.922	1.472.053.010	550.003.469.616
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	56.565.106.038	124.007.714.158	37.181.379.014	366.942.473	1.108.774.239	219.229.915.922
Tăng trong năm	11.433.385.246	28.345.529.797	10.454.208.966	154.617.924	113.596.378	50.501.338.311
Khấu hao trong năm	11.190.631.899	16.191.405.332	6.331.412.127	154.617.924	113.596.378	33.981.663.660
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	12.154.124.465	4.122.796.839	-	-	16.276.921.304
Điều chuyển, phân loại lại	242.753.347	-	-	-	-	242.753.347
Giảm trong năm	-	338.176.141	1.045.877.038	-	-	1.384.053.179
Thanh lý, nhượng bán	-	264.849.998	1.045.679.090	-	-	1.310.529.088
Điều chuyển, phân loại lại	-	73.326.143	197.948	-	-	73.524.091
Số dư tại 31/12/2017	67.998.491.284	152.015.067.814	46.589.710.942	521.560.397	1.222.370.617	268.347.201.054
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	126.773.879.496	118.177.442.769	39.019.921.816	598.901.449	363.278.771	284.933.424.301
Tại 31/12/2017	115.708.504.040	121.590.977.667	43.662.820.937	444.283.525	249.682.393	281.656.268.562

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay 163.262.431.065 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 164.419.542.058 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 69.700.699.196 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 59.680.907.258 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	38.528.715.681	19.701.589.186	58.230.304.867
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	29.832.562.757	10.086.525.549	39.919.088.306
Mua lại tài sản thuê tài chính	29.832.562.757	10.086.525.549	39.919.088.306
Số dư tại 31/12/2017	<u>8.696.152.924</u>	<u>9.615.063.637</u>	<u>18.311.216.561</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	14.261.850.972	4.426.518.815	18.688.369.787
Tăng trong năm	3.508.946.257	2.184.527.982	5.693.474.239
Khấu hao trong năm	3.508.946.257	652.164.359	4.161.110.616
Tăng khác	-	1.532.363.623	1.532.363.623
Giảm trong năm	13.613.410.397	4.365.550.186	17.978.960.583
Mua lại tài sản thuê tài chính	12.154.124.465	4.122.796.839	16.276.921.304
Điều chuyển, phân loại lại	1.459.285.932	242.753.347	1.702.039.279
Số dư tại 31/12/2017	<u>4.157.386.832</u>	<u>2.245.496.611</u>	<u>6.402.883.443</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	<u>24.266.864.709</u>	<u>15.275.070.371</u>	<u>39.541.935.080</u>
Tại 31/12/2017	<u>4.538.766.092</u>	<u>7.369.567.026</u>	<u>11.908.333.118</u>

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	8.380.730.109	14.692.139.600	4.519.857.901	336.346.000	27.929.073.610
Tăng trong năm	-	-	-	95.000.000	95.000.000
Mua trong năm	-	-	-	95.000.000	95.000.000
Giảm trong năm	1.658.300.000	-	-	-	1.658.300.000
Giảm khác	1.658.300.000	-	-	-	1.658.300.000
Số dư tại 31/12/2017	<u>6.722.430.109</u>	<u>14.692.139.600</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>431.346.000</u>	<u>26.365.773.610</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	1.281.697.913	1.574.796.792	-	271.756.398	3.128.251.103
Tăng trong năm	174.450.288	1.265.410.548	-	37.526.290	1.477.387.126
Khấu hao trong năm	174.450.288	1.265.410.548	-	37.526.290	1.477.387.126
Giảm trong năm	297.864.468	-	-	-	297.864.468
Giảm khác	297.864.468	-	-	-	297.864.468
Số dư tại 31/12/2017	<u>1.158.283.733</u>	<u>2.840.207.340</u>	<u>-</u>	<u>309.282.688</u>	<u>4.307.773.761</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	<u>5.564.146.376</u>	<u>11.851.932.260</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>64.589.602</u>	<u>24.800.822.507</u>
Tại 31/12/2017	<u>7.099.032.196</u>	<u>13.117.342.808</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>122.063.312</u>	<u>22.057.999.849</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Mở rộng nhà máy về phía đông	6.479.524.397	6.479.524.397	6.393.160.761	6.393.160.761
Khu DV và TM Ngũ Động Sơn	2.518.051.951	2.518.051.951	2.495.324.678	2.495.324.678
Đường nội bộ	3.356.870.518	3.356.870.518	-	-
Dự án đường vận tải		-	2.728.026.635	2.728.026.635
Dự án đường nội bộ mở	9.141.019.032	9.141.019.032	1.146.510.850	1.146.510.850
Dự án lắp đặt dây chuyền 2	3.963.740.308	3.963.740.308	3.963.191.701	3.963.191.701
Layout máy móc thiết bị		-	238.902.280	238.902.280
5 xe sơ mi đầu kéo		-	4.273.818.180	4.273.818.180
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	690.647.657	690.647.657	664.103.514	664.103.514
Công trình FECON Nghi Sơn		-	105.753.600	105.753.600
Chi phí công trình khác	1.116.553.533	1.116.553.533	-	-
Tổng	27.266.407.396	27.266.407.396	22.008.792.199	22.008.792.199

5.12 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	129.014.794.694	129.014.794.694	113.470.283.883	113.470.283.883
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	4.034.391.742	4.034.391.742	19.458.554.074	19.458.554.074
Công ty TNHH Trường Hải	26.072.787.193	26.072.787.193	21.717.590.707	21.717.590.707
Phải trả người bán ngắn hạn khác	98.907.615.759	98.907.615.759	72.294.139.102	72.294.139.102
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	129.014.794.694	129.014.794.694	113.470.283.883	113.470.283.883

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	12.894.439.499	27.715.151.436	27.832.364.994	12.777.225.941
Thuế giá trị gia tăng	3.324.316.278	16.388.146.507	16.855.518.704	2.856.944.081
Thuế XNK	-	392.843.619	392.843.619	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.410.938.237	8.044.917.430	6.861.709.966	2.594.145.701
Thuế thu nhập cá nhân	353.916.595	996.161.024	944.758.456	405.319.163
Thuế tài nguyên	602.839.563	1.215.437.600	1.774.627.547	43.649.616
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	19.621.348	271.087.656	132.388.128	158.320.876
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	9.057.600	8.808.000	249.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.182.807.478	397.500.000	861.710.574	6.718.596.904
Phải thu	355.673.016	3.000.000	-	352.673.016
Thuế XNK	29.430.669	-	-	29.430.669
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.672.400	-	-	35.672.400
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	287.569.947	-	-	287.569.947

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	731.820.940	484.788.725
Lãi vay phải trả	731.820.940	484.788.725
Tổng	731.820.940	484.788.725

5.15 Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	15.519.884.796	12.985.438.661
Kinh phí công đoàn	391.965.743	321.401.057
Bảo hiểm xã hội	92.029.909	181.164.460
Bảo hiểm y tế	12.682.475	27.819.828
Bảo hiểm thất nghiệp	5.661.906	11.987.075
Công ty CP Hạ tầng FECON	1.607.504.166	4.107.504.166
Hà Cửu Long	12.343.586.937	-
Công ty cổ phần FECON	-	4.102.276.041
Phải trả, phải nộp khác	1.066.453.660	4.233.286.034
<u>Trong đó phải trả các bên liên quan</u>		
Công ty CP Hạ tầng FECON	1.607.504.166	4.107.504.166
Công ty cổ phần FECON	-	4.102.276.041
Dài hạn	283.000.000	219.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	283.000.000	219.000.000
Tổng	15.802.884.796	13.204.438.661

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay						
Vay ngắn hạn	278.069.277.635	278.069.277.635	526.409.983.033	497.395.262.623	249.054.557.225	249.054.557.225
Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô (1)	31.060.546.304	31.060.546.304	66.432.801.604	87.992.965.917	52.620.710.617	52.620.710.617
Ngân hàng BIDV- CN Hà Nam	-	-	3.958.327.524	26.445.676.560	22.487.349.036	22.487.349.036
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam (2)	44.747.123.825	44.747.123.825	83.145.509.828	67.741.646.983	29.343.260.980	29.343.260.980
Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm (3)	39.531.651.993	39.531.651.993	102.348.805.289	88.081.806.429	25.264.653.133	25.264.653.133
Ngân hàng MB - CN Hà Nam (4)	50.810.975.504	50.810.975.504	90.154.023.609	73.332.663.835	33.989.615.730	33.989.615.730
Ngân hàng VCB - CN Hà Nam (5)	44.163.763.606	44.163.763.606	86.920.913.338	87.725.609.852	44.968.460.120	44.968.460.120
Ngân hàng VIB - CN Ba Đình (6)	49.739.533.303	49.739.533.303	74.662.263.972	46.839.893.185	21.917.162.516	21.917.162.516
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng VCB Việt Nam	-	-	2.272.583.169	13.090.928.262	10.818.345.093	10.818.345.093
Ngân hàng MB - CN Mỹ Đình (7)	1.760.683.100	1.760.683.100	5.064.754.700	3.304.071.600	-	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Fecon	3.750.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-	-
Vay cá nhân khác	12.505.000.000	12.505.000.000	7.700.000.000	2.840.000.000	7.645.000.000	7.645.000.000
Vay dài hạn	7.615.201.336	7.615.201.336	4.419.800.000	8.179.354.221	11.374.755.557	11.374.755.557
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Ngân hàng MB - CN Hà Nam (8)	3.093.860.000	3.093.860.000	4.419.800.000	1.325.940.000	-	-
Ngân hàng MB - CN Mỹ Đình (9)	1.222.222.225	1.222.222.225	-	1.333.333.332	2.555.555.557	2.555.555.557
Ngân Hàng BIDV - CN Đông Đô (10)	1.299.119.111	1.299.119.111	-	520.080.889	1.819.200.000	1.819.200.000
Công ty Cổ phần Fecon	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Fecon	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	5.769.654.552	5.769.654.552	-	13.186.027.101	18.955.681.653	18.955.681.653
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng VCB Việt Nam (11)	5.769.654.552	5.769.654.552	-	13.186.027.101	18.955.681.653	18.955.681.653
Tổng	291.454.133.523	291.454.133.523	530.829.783.033	518.760.643.945	279.384.994.435	279.384.994.435



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

* Vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/1824665/HĐTDHM ngày 28 tháng 07 năm 2017 giữa Công ty CP Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Hạn mức 80 tỷ đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC; Thời hạn 12 tháng. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/5685790/HĐTDHM ngày 28/7/2017 giữa Công ty TNHH Cơ khí Chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô; tổng hạn mức 20 tỷ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn vay cụ thể trên giấy nhận nợ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT384-FECON ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam; Hạn mức 50 tỷ; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/10/2018; Lãi suất thả nổi; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị; tài sản phát sinh quyền đòi nợ.

(3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HKI-HĐTD/17094 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức 60 tỷ; thời hạn duy trì hợp đồng là 12 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp gồm tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo HĐ cầm cố HKI-HĐCC/15001 ngày 07/01/2015 trị giá 4.000 triệu đồng; 05 xe ô tô đầu kéo somi-romooc theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/10108 ngày 07/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10131 ngày 05/01/2011; Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của "Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhàmáy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao PVC-Fecon" theo HĐ thế chấp bất động sản số 11076/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 15/03/2012; Toàn bộ tài sản là động sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của "Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhàmáy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao PVC-Fecon" theo HĐ thế chấp số 11077/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 06/03/2012; Dây chuyền gia công mặt bích và khuôn sản xuất cọc hình thành bằng vốn vay và vốn tự có theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13135 ngày 30/09/2013; Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13168 ngày 25/12/2013.

(4) Hợp đồng tín dụng số 8148.17.770.2149176.TD ngày 05 tháng 05 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hà Nam; Hạn mức 70 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/04/2018; Lãi suất thả nổi; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền đòi nợ; Máy móc thiết bị.

Hợp đồng cấp tín dụng số 30159.17.770.3662892.TD ngày 13/12/2017 giữa Công ty TNHH Cơ khí Chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hà Nam; Hạn mức tín dụng 40 tỷ; hạn mức bảo lãnh thanh toán 40 tỷ; hạn mức bảo lãnh 5 tỷ; hạn mức LC 10 tỷ; tổng dư nợ không quá 40 tỷ; thời hạn cấp tín dụng đến 15/11/2018; lãi suất theo giấy nhận nợ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 30169.17.770.3662892.BĐ ngày 13/12/2017 và khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển giữa khách hàng với Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON hoặc với Công ty Cổ phần FECON.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(5) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 235/17/HĐHM/NQ71 ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam. Hạn mức 60 tỷ; thời hạn duy trì hợp đồng là 12 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp gồm tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo HĐ cầm cố HKI-HĐCC/15001 ngày 07/01/2015 trị giá 4.000 triệu đồng; 05 xe ô tô đầu kéo somi-romooc theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/10108 ngày 07/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10131 ngày 05/01/2011; Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của "Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhảmáy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao PVC-Fecon" theo HĐ thế chấp bất động sản số 11076/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 15/03/2012; Toàn bộ tài sản là động sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của "Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhảmáy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao PVC-Fecon" theo HĐ thế chấp số 11077/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 06/03/2012; Dây chuyền gia công mặt bích và khuôn sản xuất cọc hình thành bằng vốn vay và vốn tự có theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13135 ngày 30/09/2013; Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13168 ngày 25/12/2013.

(6) Hợp đồng tín dụng số 3110/2016/HĐTD-VIB ngày 31/10/2016 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình; Hạn mức 50 tỷ đồng; Lãi suất thả nổi; Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tại mọi thời điểm là 85 tỷ đồng.

(7) Hợp đồng Cấp tín dụng số 3099.17.011.2545578.TD giữa Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình ngày 14/03/2017. Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày 09/01/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm: Hệ thống dây chuyền nghiền đá, trạm biến áp và 2 máy xúc đào; Máy xúc lật Komatsu; 100% nghĩa vụ khách hàng bảo đảm bằng các Tài sản bảo đảm là tiền ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành.

*Vay dài hạn

(8) Hợp đồng tín dụng số 95387.16.770.2419176.TD ngày 29/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam; Hạn mức 4.419.800.000 VNĐ; Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: tài trợ trung hạn thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo và somi rơ moóc.

(9) Hợp đồng tín dụng số số 99874.15.011.2545578.TD ngày 30/11/2015 giữa Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng và với Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Mỹ Đình ngày, số tiền vay là 4.600.000.000 đồng. Mục đích dùng để thanh toán tiền đầu tư hệ thống máy nghiền sản đá, trạm biến áp. Thời gian khoản nợ là 36 tháng kể từ ngày vay. Lãi suất cho vay 11,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vay bao gồm toàn bộ thiết bị chính của hệ thống dây chuyền nghiền đá, trạm biến áp, máy xúc đào Hitachi ZX 330-3, máy xúc lật XGMA; máy xúc đào 450 chạy điện.

(10) Hợp đồng tín dụng số 02.5685790.15/HĐTD ngày 10/8/2015 giữa Công ty TNHH FECON Nghi Sơn và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; hình thức đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.

* Nợ thuê tài chính

(11) Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.06/CTTC ngày 02 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh 06 tháng/01 lần. Lãi suất tại thời điểm giải ngân, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cơ bản đồng VND do Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,4%/năm. Mục đích: Cho thuê xe ô tô đầu kéo và somi rơ moóc. Thời hạn 48 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cho thuê tài chính số 22.14.01/CTTC ngày 23/01/2014 giữa Công ty TNHH FECON Nghi Sơn và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; mục đích sử dụng tài sản: phục vụ hoạt động sản xuất; thời hạn thuê 48 tháng; lãi bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; Công ty được mua lại tài khi thanh toán hết hợp đồng thuê tài chính với giá 30.000.000 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.08/CTTC ngày 21/10/2015 giữa Công ty TNHH FECON Nghi Sơn và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; mục đích sử dụng tài sản: phục vụ hoạt động sản xuất; thời hạn thuê 48 tháng; lãi bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; Công ty được mua lại tài khi thanh toán hết hợp đồng thuê tài chính với giá 8.000.000 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.07/CTTC ngày 10/9/2015 giữa Công ty TNHH FECON Nghi Sơn và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; mục đích sử dụng tài sản: phục vụ hoạt động sản xuất; thời hạn thuê 48 tháng; lãi bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; Công ty được mua lại tài khi thanh toán hết hợp đồng thuê tài chính với giá 9.000.000 đồng.

b. Nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm 2017 (VND)			Năm 2016 (VND)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
<i>Từ 01 năm trở xuống</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	15.534.241.129	2.348.214.028	13.186.027.101	13.780.621.822	2.536.916.147	11.243.705.675
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	15.534.241.129	2.348.214.028	13.186.027.101	13.780.621.822	2.536.916.147	11.243.705.675
Tổng	15.534.241.129	2.348.214.028	13.186.027.101	13.780.621.822	2.536.916.147	11.243.705.675

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	410.000.000.000	(1.873.645.455)	-	10.356.123.040	40.225.140.324	105.567.359.333	564.274.977.242
Lãi trong năm này	-	-	-	-	39.906.291.450	1.010.914.535	40.917.205.985
Tặng khác	-	-	1.838.221.531	-	1.860	891.537.443	2.729.760.834
Giảm khác	-	-	(891.537.443)	(1.838.221.531)	-	(12.861.572.129)	(15.591.331.103)
Chia cổ tức 2015	-	-	-	-	(20.500.000.000)	(3.977.000.000)	(24.477.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.090.824.498	(5.227.061.245)	-	(3.136.236.747)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.260.343.026)	-	(1.260.343.026)
Số dư tại 31/12/2016	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	10.608.726.007	53.144.029.363	90.631.239.182	563.457.033.185
Số dư tại 01/01/2017	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	10.608.726.007	53.144.029.363	90.631.239.182	563.457.033.185
Lãi trong năm này	-	-	-	-	34.404.293.432	(4.132.023.058)	30.272.270.374
Chia cổ tức 2016	-	-	-	-	(20.500.000.000)	-	(20.500.000.000)
Trích lập các quỹ 2016	-	-	-	2.704.471.932	(7.302.074.216)	-	(4.597.602.284)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(707.000.000)	-	(707.000.000)
Số dư tại 31/12/2017	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	13.313.197.939	59.039.248.579	86.499.216.124	567.924.701.275



5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần FECON	147.600.000.000	147.600.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	262.400.000.000	262.400.000.000
Tổng	410.000.000.000	410.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	410.000.000.000	410.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	410.000.000.000	410.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.500.000.000	20.500.000.000
Phân phối các quỹ	7.302.074.216	5.227.061.245

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.000.000	41.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.000.000	41.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.000.000	41.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	779.250.457.923	692.651.773.145
Tổng	779.250.457.923	692.651.773.145

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	330.951.117	166.142.100
Tổng	330.951.117	166.142.100

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	620.369.305.982	563.002.535.036
Tổng	620.369.305.982	563.002.535.036

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.708.503	304.304.267
Lãi chênh lệch tỷ giá	151.339.822	144.337.917
Tổng	538.048.325	448.642.184

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.540.473.546	18.153.542.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá	148.120.527	582.745.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.954.439	158.484.396
Chi phí hoạt động tài chính khác	150.205	-
Tổng	20.730.698.717	18.894.772.306

5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	71.139.122.523	47.856.262.421
Chi phí nhân viên	3.283.363.166	2.670.488.544
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.861.675.693	7.594.973.747
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	110.212.812	566.720.519
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.669.179.563	3.253.582.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí vận chuyển	57.341.576.862	25.298.309.673
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.334.532	6.650.890.874
Chi phí bằng tiền khác	3.822.779.895	1.821.296.741
Chi phí quản lý	27.967.281.940	26.511.505.734
Chi phí nhân viên quản lý	13.220.372.241	13.833.827.520
Chi phí vật liệu quản lý	726.471.020	372.171.729
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.368.243.367	1.928.152.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.659.831.952	2.518.599.127
Thuế phí và lệ phí	361.732.311	298.048.025
Chi phí dự phòng	-	1.560.969.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.666.680	2.702.644.654
Chi phí bằng tiền khác	8.074.464.369	3.441.832.722
Lợi thế thương mại	19.500.000	19.500.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(164.239.806)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(164.239.806)
Tổng	99.106.404.463	74.367.768.155

5.24 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	381.663.647	455.840.000
Bán vật tư, công cụ dụng cụ	59.076.364	60.076.364
Các khoản khác	692.463.494	21.408.783.903
Tổng	1.133.203.505	21.924.700.267
Chi phí khác		
Truy thu thuế	-	1.959.523.396
Phạt chậm nộp	64.500.394	4.349.007
Chi phí khác	249.531.352	9.018.399.051
Tổng	314.031.746	10.982.271.454
Lợi nhuận khác	819.171.759	10.942.428.813

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.044.917.430	7.597.095.552
Tổng	8.044.917.430	7.597.095.552

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.238.805.381	357.590.265.778
Chi phí nhân công	68.301.560.807	59.933.570.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.228.020.489	47.444.644.429
Chi phí dự phòng	-	(164.239.806)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.638.486.985	67.528.673.727
Chi phí khác bằng tiền	13.415.598.728	7.745.097.434
Tổng	654.822.472.390	540.078.012.020

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.272.270.373	40.917.205.985
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(4.132.023.058)	1.010.914.535
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm	671.000.000	5.329.602.284
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.733.293.432	34.576.689.166
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	41.000.000	41.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	823	843

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT	1.328.000.000	1.579.817.774

Giao dịch các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần FECON	Mua thép	105.633.662.524	42.999.630.212
Công ty Cổ phần FECON	Phần mềm QL		184.708.690

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	508.526.862.482	391.671.723.166
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	11.546.602.472	5.426.692.000

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	153.298.832.181	110.101.830.950
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc		93.060.000
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	9.765.642.719	5.869.361.200
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần FECON	Thi công cọc	532.867.955	350.000.000
Công ty Cổ phần FECON	Mua NVL	27.678.358.465	18.671.900.296

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần FECON	Vay	-	2.000.000.000
Công ty CP Hạ tầng Fecon	Mua hàng	-	585.149.562
	Vay	-	5.000.000.000

6.2 Báo cáo bộ phận

Căn cứ vào các hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, trong năm hoạt động chính của công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của cả Công ty. Do vậy, ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp bê tông cốt thép và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Hà Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Thanh

Đào Trung Dũng

Phạm Trung Thành





Số: /2018/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nam, ngày 28 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ các tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON ngày 28/4/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	560	778,9	139 %
2	Lợi nhuận sau thuế	28	30,2	107,8 %

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2018:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	778,9	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	30,2	34
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2018:

- Đầu tư nghiên cứu và sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, kè sông, biển: 10 tỷ đồng.

- Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất: 15 tỷ đồng.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017

3. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị độc lập năm 2017

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ năm 2017

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của FCM và Hợp nhất: chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang website chính thức của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	830.922.152.237	1.037.179.542.512
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	470.832.352.185	567.924.701.274
3	Doanh thu thuần	Đồng	749.195.459.341	778.919.506.806
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	32.061.169.074	30.272.270.373
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu		839

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2017:**1. Phân phối lợi nhuận năm 2017**

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	12.444.381.159	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	30.272.270.373	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	7.568.067.593	25%
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	4.540.840.556	15%
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.027.227.037	10%
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017	732.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2017	605.445.407	2%
Chia cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

2. Thưởng ban điều hành năm 2017: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 605.445.407 đồng (Sáu trăm linh năm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm linh bảy đồng) và giao cho Giám đốc công ty căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để thực hiện.

3. Chia cổ tức năm 2017: bằng tiền tương ứng 5% vốn điều lệ và ủy quyền cho Giám đốc căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018:**1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	778,9	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	30.2	34
4	Cổ tức bằng tiền(%VĐL)	%	5	5

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	10% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền	5% Vốn điều lệ

Điều 5: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2017 và Kế hoạch phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018:**1. Quyết toán thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2017**

Mức phân phối thù lao năm 2017 của HĐQT và BKS là: 732.000.000 VNĐ (Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2018:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao năm 2018 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	120.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	288.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	96.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	120.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				984.000.000

- Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn thời điểm phân bổ thù lao hội đồng quản trị và quyết định hoạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Điều 6: Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018:

- i. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
- ii. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
- iii. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Công ty chọn 01(một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/ soát xét báo cáo tài chính của công ty trong danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán trên.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán trên về tiền độ và mức phí kiểm toán, đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2018 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Điều 8: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo)
- TT.HĐQT; BĐH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Các cổ đông;
- Lưu VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Hà Thế Phương